**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN ĐỊA LÍ LỚP 12 BÀI 28:**

**VẤN ĐỀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP**

**Câu 1:**  Sản lượng điện nước ta trong những năm gần đây tăng nhanh chủ yếu do tăng nhanh

**A.** sản lượng thuỷ điện. **B.** sản lượng nhiệt điện khí.

**C.** sản lượng nhiệt điện than. **D.** nguồn điện nhập khẩu.

**Câu 2:**  Mục đích chính của tổ chức lãnh thổ công nghiệp là:

**A.** Tận dụng triệt để nguồn vốn đầu tư nước ngoài

**B.** Sử dụng hợp lí nguồn lực sẵn có nhằm đạt hiệu quả cao về mặt Kinh tế - xã hội - môi trường

**C.** Sử dụng hợp lí và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên

**D.** Khai thác lợi thế về vị trí địa lí của nước ta

**Câu 3:**  Sự phân chia các trung tâm công nghiệp thành 3 nhóm là dựa vào :

**A.** Quy mô và chức năng của các trung tâm.

**B.** Sự phân bố các trung tâm trên phạm vi lãnh thổ.

**C.** Vai trò của các trung tâm trong phân công lao động theo lãnh thổ.

**D.** Hướng chuyên môn hoá và quy mô của các trung tâm.

**Câu 4:**  Có diện tích bao gồm nhiều tỉnh và thành phố là đặc điểm của

**A.** Điểm công nghiệp **B.** Khu công nghiệp

**C.** Trung tâm công nghiệp **D.** Vùng công nghiệp

**Câu 5:**  Ở nước ta, vùng có nhiều khu công nghiệp tập trung nhất là :

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Duyên hải miền Trung.

**C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 6:**  Ý nào dưới đây không phải là nguyên nhân làm cho sản lượng điện nước ta tăng nhanh?

**A.** Nhiều nhà máy điện có quy mô lớn đi vào hoạt động.

**B.** Đáp ứng việc xuất khẩu điện sang các nước lân cận.

**C.** Nước ta có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp điện lực.

**D.** Nhu cầu về điện để phục vụ sản xuất và đời sống ngày càng nhiều.

**Câu 7:**  Các điểm công nghiệp đơn lẻ thường hình thành ở các tỉnh miền núi của?

**A.** Tây Bắc, Bắc Trung Bộ **B.** Tây Bắc, Tây Nguyên

**C.** Đông Nam Bộ, Tây Nguyên **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ

**Câu 8:**  Cà Ná là nơi sản xuất muối nổi tiếng của nước ta thuộc tỉnh :

**A.** Nam Định. **B.** Quảng Ngãi. **C.** Ninh Thuận. **D.** Kiên Giang.

**Câu 9:**  Tiềm năng thuỷ điện lớn nhất của nước ta tập trung trên hệ thống sông

**A.** Sông Đồng Nai. **B.** Sông Hồng. **C.** Sông Thái Bình. **D.** Sông Mã.

**Câu 10:**  Căn cứ vào bản đồ Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở Atlat địa lí Việt Nam trang 22, giá trị sản xuất của ngành công nghiệp này trong giai đoạn 2000 – 2007 của nước ta tăng gần

**A.** 1,7 lần **B.** 2,7 lần **C.** 3,7 lần **D.** 4,7 lần

**Câu 11:**  Cho bảng số liệu
Một số sản phẩm công nghiệp ở nước ta trong giai đoạn 1998 – 2014

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Sản phẩm | 2000 | 2005 | 2010 | 2012 | 2014 |
| Thuỷ sản đông lạnh (nghìn tấn) | 177,7 | 681,7 | 1278,3 | 1372,1 | 1586,7 |
| Chè chế biến (nghìn tấn) | 70,1 | 127,2 | 211,0 | 193,3 | 179,8 |
| Giày, dép da (triệu đôi) | 107,9 | 218,0 | 192,2 | 222,1 | 246,5 |
| Xi măng (nghìn tấn | 13298,0 | 30808,0 | 55801,0 | 56353,0 | 60982,0 |

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây không đúng về tình hình phát triển một số sản phẩm công nghiệp ở nước ta trong giai doạn 2000-2014 ?

**A.** Sản lượng các sản phẩm công nghiệp.

**B.** Sản lượng thuỷ sản đông lạnh có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.

**C.** Sản lượng chè chế biến và giày, dép da liên tục giảm.

**D.** Sản lượng xi măng tăng ổn định trong giai đoạn 2000 – 2014.

**Câu 12:**  Nhà máy đường Lam Sơn gắn với vùng nguyên liệu mía ở :

**A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 13:**  Các nguồn nhiên liệu chủ yếu để sản xuất điện ở nước ta hiện nay là:

**A.** Than, dầu khí, thủy năng **B.** Sức gío, năng lượng mặt trời, than

**C.** Thủy triều, thủy năng, sức gió **D.** Than, dầu khí, địa nhiệt

**Câu 14:**  Dựa vào đặc điểm, tính chất tự nhiên và mục đích sử dụng có thể phân chia tài nguyên thiên nhiên theo :

**A.** Tài nguyên có thể bị hao kiệt và tài nguyên không bị hao kiệt.

**B.** Tài nguyên không phục hồi được và tài nguyên có thể phục hồi lại được.

**C.** Tài nguyên không bị hao kiệt.

**D.** Tài nguyên bị hao kiệt, nhưng có thể phục hồi được.

**Câu 15:**  Nguồn dầu khí của nước ta hiện nay được khai thác chủ yếu từ :

**A.** Bể trầm tích Trung Bộ. **B.** Bể trầm tích Cửu Long.

**C.** Bể trầm tích Nam Côn Sơn. **D.** Bể trầm tích Thổ Chu - Mã Lai.

**Câu 16:**  Nhà máy điện chạy bằng dầu có công suất lớn nhất hiện nay là :

**A.** Phú Mỹ. **B.** Phả Lại. **C.** Hiệp Phước. **D.** Hoà Bình.

**Câu 17:**  Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta mới được hình thành từ những năm 90 của thế kỉ XX là

**A.** Điểm công nghiệp **B.** Vùng công nghiệp

**C.** Khu công nghiệp **D.** Trung tâm công nghiệp

**Câu 18:**  Trữ lượng quặng bôxít lớn nhất nước ta tập trung ở :

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ và Đông Nam Bộ.

**B.** Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**C.** Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

**D.** Tây Nguyên.

**Câu 19:**  Việc phân chia cơ cấu ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm thành chế biến sản xuất trồng trọt, chế biến sản xuất chăn nuôi và chế biên thủy, hải sản là dựa vào

**A.** Công dụng kinh tế của sản phẩm **B.** Nguồn nhiên

**C.** Tính chất tác động đến đối tượng lao động **D.** Đặc điểm sử dụng lao động

**Câu 20:**  Công nghiệp chế biến chè ở nước ta phân bố ở vùng

**A.** Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng song Cửu Long

**B.** Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ

**C.** Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên

**D.** Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long

**Câu 21:**  Trung tâm công nghiệp quan trọng nhất dọc theo Duyên hải miền Trung là

**A.** Vinh **B.** Quy Nhơn **C.** Đà Nẵng **D.** Nha Trang

**Câu 22:**  so với ranh giới của các vùng kinh tế, ranh giới vùng công nghiệp không có sự thay đổi là :

**A.** Vùng 1 **B.** Vùng 2 **C.** Vùng 5 **D.** Vùng 6

**Câu 23:**  Than nâu phân bố nhiều nhất ở

**A.** Trung du miền núi Bắc Bộ. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 24:**  Đâu là đặc điểm của một khu công nghiệp tập trung?

**A.** Thường gắn liền với một đô thị vừa hoặc lớn

**B.** Có phân định ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống

**C.** Thường gắn liền với một điểm dân cư và có vài xí nghiệp

**D.** Ranh giới mang tính quy ước, không gian lãnh thổ nhỏ

**Câu 25:**  Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay vì :

**A.** Có thế mạnh lâu dài để phát triển.

**B.** Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp.

**C.** Có liên quan, tác động đến sự phát triển của tất cả các ngành kinh tế khác.

**D.** Tất cả các lí do trên.

**Câu 26:**  Tổ chức lãnh thổ công nghiệp nhằm mục đích để :

**A.** Sắp xếp, phối hợp giữa các quá trình và cơ sở sản xuất công nghiệp trên một lãnh thổ.

**B.** Sử dụng hợp lí các nguồn lực sẵn có nhằm đạt hiệu quả cao về kinh tế - xã hội và môi trường.

**C.** Thúc đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

**D.** Tất cả các ý trên.

**Câu 27:**  các nhà máy nhiệt điện chạy dầu ở nước ta phân bố chủ yếu ở

**A.** Các khu tập trung công nghiệp **B.** Gần các cảng biển

**C.** Xa khu dân cư **D.** Đầu nguồn các dòng sông

**Câu 28:**  Đặc điểm cơ bản của trung tâm công nghiệp là

**A.** Gắn liền với đô thị vừa và lớn

**B.** Hình thức tổ chức lãnh thô ở trình độ cao nhất

**C.** Không có dân cư sinh sống

**D.** Phân bố gần nguồn nguyên nhiên liệu

**Câu 29:**  Đường dây siêu cao áp 500 KV truyền tải điện từ

**A.** Hòa Bình đến Hà Tĩnh **B.** Hòa Bình đến Đà Nẵng

**C.** Hòa Bình đến Plây Ku **D.** Hòa Bình đến Phú Lâm

**Câu 30:**  Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng dầu không phát triển ở phía Bắc vì

**A.** gây ô nhiễm môi trường. **B.** vốn đầu tư xây dựng lớn.

**C.** xa nguồn nguyên liệu dầu – khí. **D.** nhu cầu về điện không nhiều.

**Câu 31:**  Vùng tập trung than nâu với quy mô lớn ở nước ta là:

**A.** Quảng Ninh. **B.** Lạng Sơn.

**C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Cà Mau.

**Câu 32:**  Hệ thống sông có tiền năng thủy điện lớn nhất nước ta là

**A.** Hệ thống sông Mê Công **B.** Hệ thống sông Hồng

**C.** Hệ thống sông Đồng Nai **D.** Hệ thống sông Cả

**Câu 33:**  Khí tự nhiên đang được khai thác ở nước ta nhằm mục đích là

**A.** Làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện

**B.** Xuất khẩu để thu ngoại tệ

**C.** Làm nguyên liệu cho sản xuất phân đạm

**D.** Tiêu dùng trong gia đình

**Câu 34:**  Các cơ sở chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa tập trung ở các đô thị lớn vì :

**A.** Có lực lượng lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ lớn.

**B.** Gần nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

**C.** Có lực lượng lao động dồi dào và gần nguồn nguyên liệu.

**D.** Có thị trường tiêu thụ lớn và đảm bảo kĩ thuật.

**Câu 35:**  Nhà máy thuỷ điện có công suất lớn đang được xây dựng ở Nghệ An là :

**A.** A Vương. **B.** Bản Mai. **C.** Cần Đơn. **D.** Đại Ninh.

**Câu 36:**   Chỉ ra đặc điểm nào sau đây không phải của điểm công nghiệp?

**A.** Chỉ bao gồm 1,2 xí nghiệp riêng lẻ, không có mối liên hệ về sản xuất

**B.** Phân bố gần nguồn nguyên, nhiên liệu

**C.** Đồng nhất với một điểm dân cư

**D.** Mới được hình thành ở nước ta từ thập niên 90 của thế kỉ XX cho đến nay

**Câu 37:**  Đây là đặc điểm của một khu công nghiệp tập trung.

**A.** Thường gắn liền với một đô thị vừa hoặc lớn.

**B.** Có phân định ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống.

**C.** Thường gắn liền với một điểm dân cư, có vài xí nghiệp.

**D.** Ranh giới mang tính quy ước, không gian lãnh thổ khá lớn.

**Câu 38:**  Hình thức trung tâm công nghiệp ở nước ta chưa xuất hiện tại vùng

**A.** Tây Nguyên **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ

**C.** Bắc Trung Bộ **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ

**Câu 39:**  Nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới sự phân bố các cơ sở chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta là

**A.** thị trường tiêu thụ và cơ sở hạ tầng.

**B.** nguồn nguyên liệu và lao động có trình độ cao.

**C.** nguồn lao động giàu kinh nghiệm và thị trường tiêu thụ lớn.

**D.** nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

**Câu 40:**  Nơi nào dưới đây không phải là quan trọng đối với việc phân bố các khu công nghiệp ở nước ta hiện nay?

**A.** Nơi có vị trí thuận lợi

**B.** Nơi có tài nguyên khoáng sản dồi dào

**C.** Nơi có kết cấu hạ tầng tốt

**D.** Nơi có nguồn lao động đông đảo với chất lượng ca

**Câu 41:**  Đây là đặc điểm của ngành dầu khí của nước ta :

**A.** Tiềm năng trữ lượng lớn nhưng quy mô khai thác nhỏ.

**B.** Trên 95% sản lượng được dùng để xuất khẩu thô.

**C.** Mới được hình thành trong thập niên 70 của thế kỉ XX.

**D.** Bao gồm cả khai thác, lọc dầu và hoá dầu.

**Câu 42:**  Đường dây 500 KV nối :

**A.** Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh. **B.** Hoà Bình - Phú Lâm.

**C.** Lạng Sơn - Cà Mau. **D.** Hoà Bình - Cà Mau.

**Câu 43:**  Đây là điểm khác nhau giữa các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc và các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam.

**A.** Các nhà máy ở miền Nam thường có quy mô lớn hơn.

**B.** Miền Bắc chạy bằng than, miền Nam chạy bằng dầu hoặc khí.

**C.** Miền Bắc nằm gần vùng nguyên liệu, miền Nam gần các thành phố.

**D.** Các nhà máy ở miền Bắc được xây dựng sớm hơn các nhà máy ở miền Nam.

**Câu 44:**  Các trung tâm công nghiệp có ý nghĩa quốc gia ở nước ta gồm:

**A.** Hà Nội, Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh

**B.** Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ

**C.** Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ

**D.** Hà Nội, TP Hồ Chí Minh

**Câu 45:**  Việc phân chia các trung tâm công nghiệp ở nước ta thành trung tâm rất lớn, trung tâm lớn, trung tâm trung bình là dựa vào

**A.** Vị trí địa lí của trung tâm công nghiệp

**B.** Diện tích của trung tâm công nghiệp

**C.** Giá trị sản xuất của trung tâm công nghiệp

**D.** Vai trò của trung tâm công nghiệp

**Câu 46:**  Hình thức tổ chức lãnh thổ nào sau đây không được xem tương đương với một khu công nghiệp ?

**A.** Khu chế xuất. **B.** Khu công nghệ cao.

**C.** Khu công nghiệp tập trung. **D.** Khu kinh tế mở.

**Câu 47:**  Hình thức trung tâm công nghiệp không thấy xuất hiện ở vùng:

**A.** Tây nguyên và Trung du miền núi phía Bắc

**B.** Tây Nguyên

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long

**D.** Bắc Trung Bộ

**Câu 48:**  Đây là tỉnh không nằm trong vùng công nghiệp số 3 theo quy hoạch của Bộ Công nghiệp :

**A.** Hà Tĩnh. **B.** Thừa Thiên - Huế.

**C.** Đà Nẵng. **D.** Ninh Thuận.

**Câu 49:**  Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay, tỉ trọng lớn nhất thuộc về

**A.** nhiệt điện, thuỷ điện. **B.** nhiệt điện, điện gió.

**C.** thuỷ điện, điện nguyên tử. **D.** thuỷ điện, điện gió.

**Câu 50:**  Đây là những địa danh làm nước mắm nổi tiếng nhất ở nước ta.

**A.** Cát Hải (Hải Phòng), Nam Ô ( Đà Nẵng), Tuy Hoà (Phú Yên).

**B.** Phú Quốc ( Kiên Giang), Long Xuyên (An Giang), Vũng Tàu (Bà Rịa - Vũng Tàu).

**C.** Cát Hải (Hải Phòng), Phan Thiết (Bình Thuận), Phú Quốc (Kiên Giang).

**D.** Phan Thiết (Bình Thuận), Nha Trang (Khánh Hoà), Tuy Hoà (Phú Yên).

**Câu 51:**  Cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc là

**A.** Than **B.** Dầu

**C.** Khí tự nhiên **D.** Nhiên liệu sinh học

**Câu 52:**  Hình thức nào dưới đây không phải là hình thức chủ yếu về tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta ?

**A.** Khu công nghiệp **B.** Xí nghiệp công nghiệp

**C.** Điểm công nghiệp **D.** Trung tâm công nghiệp

**Câu 53:**  Đường dây 500 KV được xây dựng nhằm mục đích :

**A.** Khắc phục tình trạng mất cân đối về điện năng của các vùng lãnh thổ.

**B.** Tạo ra một mạng lưới điện phủ khắp cả nước.

**C.** Kết hợp giữa nhiệt điện và thuỷ điện thành mạng lưới điện quốc gia.

**D.** Đưa điện về phục vụ cho nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa.

**Câu 54:**  Sa Huỳnh là nơi nổi tiếng nước ta với sản phẩm :

**A.** Muối. **B.** Nước mắm. **C.** Chè. **D.** Đồ hộp.

**Câu 55:**  Các khu công nghiệp của nước ta có đặc điểm phân bố là

**A.** Tập trung ở miền Bắc **B.** Không đều theo lãnh thổ

**C.** Tập trung ở vùng miền núi **D.** Đồng đều trên các vùng lãnh thổ

**Câu 56:**  Xét theo công dụng, thì khoáng sản phi kim loại như apatit, pirit, foforit là nguồn nguyên liệu chủ yếu cho ngành :

**A.** Công nghiệp hoá chất, phân bón.

**B.** Công nghiệp sản xuất vật liệu.

**C.** Dùng làm chất trợ dung cho một số ngành công nghiệp nặng.

**D.** Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 57:**  Khó khăn lớn nhất của việc khai thác thuỷ điện của nước ta là :

**A.** Sông ngòi ngắn dốc, tiềm năng thuỷ điện thấp.

**B.** Miền núi và trung du cơ sở hạ tầng còn yếu.

**C.** Sự phân mùa của khí hậu làm lượng nước không đều.

**D.** Sông ngòi của nước ta có lưu lượng nhỏ.

**Câu 58:**  Trung tâm công nghiệp có ý nghĩa quốc gia ở nước ta hiện nay là :

**A.** Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

**B.** Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

**C.** Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ.

**D.** Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ, Nam Định.

**Câu 59:**  Khu công nghiệp tập trung ở nước ta ra đời vào thời kì :

**A.** Từ năm 1960 ở miền Bắc. **B.** Từ sau 1975, khi đất nước đã thống nhất.

**C.** Từ sau Đổi mới nền kinh tế - xã hội. **D.** Từ thập niên 90 của thế kỉ XX.

**Câu 60:**  Ở nước ta khoáng sản có ý nghĩa lớn đối với công nghiệp hiện đại, nhưng chưa được đánh giá đúng trữ lượng là :

**A.** Dầu - khí và than nâu. **B.** Quặng bôxit.

**C.** Quặng thiếc và titan. **D.** Quặng sắt và crôm.

**Câu 61:**  Cơ cấu sản lượng điện phân theo nguồn ở nước ta thay đổi từ thủy điện sang nhiệt điện chủ yếu là do:

**A.** Sự suy giảm trữ lượng nước của các dòng sông

**B.** Nhà máy nhiệt điện vận hành được quanh năm

**C.** Đưa vào khai thác các nhà máy nhiệt điện công suất lớn

**D.** Không xây dựng thêm các nhà máy thủy điện

**Câu 62:**  Vùng công nghiệp có số tỉnh ít nhất?

**A.** Vùng 1 **B.** Vùng 2 **C.** Vùng 3 **D.** Vùng 4

**Câu 63:**  Khó khăn lớn nhất đối với việc khai thác tiềm năng thủy điện ở nước ta là

**A.** Sông ngòi nước ta ngăn và dốc

**B.** Các sông lớn chủ yếu bắt nguồn từ bên ngoài lãnh thổ

**C.** Lượng nước phân bố không đều trong năm

**D.** Sông ngòi nhiều phù sa

**Câu 64:**  Trung tâm nào dưới đây không phải là trung tâm công nghiệp lớn của nước ta ?

**A.** Đà Nẵng **B.** Thủ Dầu Một **C.** Hải Phòng **D.** Vũng Tàu

**Câu 65:**  Đây là một trong những điểm khác nhau giữa khu công nghiệp và trung tâm công nghiệp ở nước ta.

**A.** Trung tâm công nghiệp ra đời từ lâu còn khu công nghiệp mới ra đời trong thập niên 90 của thế kỉ XX.

**B.** Khu công nghiệp thường có trình độ chuyên môn hoá cao hơn trung tâm công nghiệp rất nhiều.

**C.** Khu công nghiệp có ranh giới địa lí được xác định còn trung tâm công nghiệp ranh giới có tính chất quy ước.

**D.** Khu công nghiệp là hình thức đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn trung tâm công nghiệp.

**Câu 66:**  Vùng công nghiệp có tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta là

**A.** Vùng 1 **B.** Vùng 2 **C.** Vùng 5 **D.** Vùng 6

**Câu 67:**  Tỉnh Lâm Đồng nằm trong vùng công nghiệp :

**A.** Số 3. **B.** Số 4. **C.** Số 5. **D.** Số 6.

**Câu 68:**  Một trong những đặc điểm cơ bản của điểm công nghiệp ở nước ta là:

**A.** Thường hình thành ở các tỉnh miền núi **B.** Mới được hình thành ở nước ta

**C.** Do Chính phủ thành lập **D.** Có các ngành chuyên môn hóa

**Câu 69:**  Đặc điểm nào dưới đây không phải của khu công nghiệp ở nước ta?

**A.** Có ranh giới địa lí xác định **B.** Do chính phủ quyết định thành lập

**C.** Không có dân cư sinh sống **D.** Phân bố gần nguồn nguyên liệu

**Câu 70:**  Ý nào không phải là đặc điểm của ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta?

**A.** Cơ cấu ngành đa dạng **B.** Là ngành mới, đòi hỏi cao về trình độ

**C.** Có nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú **D.** Có thị trường tiêu thụ rộng lớn

**Câu 71:**  Một trong những ưu điểm của nhà máy nhiệt điện so với nhà máy thủy điện ở nước ta là

**A.** Chủ động vận hành được quanh năm **B.** Giá thành sản xuất rẻ

**C.** Không gây ô nhiễm môi trường **D.** Phụ thuộc vào nguồn cung cấp nhiên liệu

**Câu 72:**  Ý nào sau đây không phải là đặc điểm chính của khu công nghiệp?

**A.** Có ranh giới địa lý xác định. **B.** Chuyên sản xuất công nghiệp.

**C.** Không có dân cư sinh sống. **D.** Đồng nhất với một điểm dân cư.

**Câu 73:**  Thành phố Hồ Chí Minh là nơi có ngành chế biến sữa phát triển vì :

**A.** Có nguồn nguyên liệu tại chỗ dồi dào. **B.** Có thị trường tiêu thụ lớn.

**C.** Có điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất. **D.** Tất cả các lí do trên.

**Câu 74:**  Dầu mỏ, khí đốt có tiềm năng và triển vọng lớn của nước ta tập trung ở :

**A.** Bể trầm tích sông Hồng. **B.** Bể trầm tích Thổ Chu - Mã Lai.

**C.** Bể trầm tích Cửu Long. **D.** Bể trầm tích Nam Côn Sơn.

**Câu 75:**  Ngành công nghiệp năng lượng của nước ta có đặc điểm :

**A.** Là ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp.

**B.** Có liên quan, tác động đến tất cả các ngành kinh tế khác.

**C.** Ra đời sớm nhất trong các ngành công nghiệp.

**D.** Tất cả các đặc điểm trên.

**Câu 76:**  Nhiều nhà máy thuỷ điện được xây dựng ở nước ta vì

**A.** giá thành xây dựng thấp.

**B.** tiềm năng thuỷ điện rất lớn.

**C.** không tác động tới môi trường.

**D.** không đòi hỏi trình độ khoa học – kĩ thuật cao.

**Câu 77:**  Ở nước ta, ngành công nghiệp nào sau đây cần ưu tiên đi trước một bước?

**A.** Điện lực. **B.** Sản xuất hàng tiêu dùng.

**C.** Chế biến dầu khí. **D.** Chế biến nông – lâm – thuỷ sản.

**Câu 78:**  Khó khăn lớn nhất đối với việc khai thác tiềm năng thuỷ điện nước ta là

**A.** sông ngòi ngắn và dốc. **B.** lượng nước không ổn định trong năm.

**C.** thiếu kinh nghiệm trong khai thác. **D.** trình độ khoa học – kĩ thuật còn thấp.

**Câu 79:**  Vùng công nghiệp sản xuất đường mía phát triển nhất nước ta là :

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Nam Trung Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 80:**  Nhà máy thuỷ điện có công suất phát điện lớn nhất nước ta hiện nay là

**A.** Sơn La. **B.** Hoà Bình. **C.** Trị An. **D.** Yaly.

**Câu 81:**  Công nghiệp chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa phân bố ở các đô thị lớn chủ yếu do

**A.** Đây là các vùng nuôi bò sữa lớn

**B.** Đây là nơi có kĩ thuật nuôi bò sữa phát triển

**C.** Đây là nơi có thị trường tiêu thụ lớn

**D.** Đây là nơi có nhiều lao động có trình độ

**Câu 82:**  Ở Việt Nam, ngoài KCN tập trung còn có....?

**A.** Khu thương mại tự do và đặc khu kinh tế **B.** Đặc khu kinh tế và khu công nghệ cao

**C.** Khu công nghệ cao và khu chế xuất **D.** Khu chế xuất và đặc khu kinh tế

**Câu 83:**  Yếu tố khí hậu cũng ảnh hưởng đến tổ chức lãnh thổ công nghiệp vì :

**A.** Chi phối việc chọn lựa kĩ thuật và công nghệ.

**B.** Ảnh hưởng đến các nguồn nguyên liệu.

**C.** Thiên tai thường gây tổn thất cho sản xuất công nghiệp.

**D.** Chi phối quy mô và cơ cấu của các xí nghiệp công nghiệp.

**Câu 84:**  Đây là quy luật phân bố các cơ sở công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.

**A.** Gắn liền với các vùng chuyên canh, các vùng nguyên liệu.

**B.** Gắn liền với thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

**C.** Các cơ sở sơ chế gắn với vùng nguyên liệu, các cơ sở thành phẩm gắn với thị trường.

**D.** Tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn vì nhu cầu thị trường và yếu tố công nghệ.

**Câu 85:**  Dựa vào bản đồ công nghiệp năng lượng (Atlat ĐLVN trang 22), cho biết sản lượng than sạch của nước ta trong giai đoạn 2000 – 2007 tăng bao nhiêu lần?

**A.** 2,7 lần. **B.** 3,7 lần. **C.** 4,7 lần. **D.** 5,7 lần.

**Câu 86:**  Một trong những ưu điểm của nhà máy thủy điện so với nhà máy nhiệt điện ở nước ta là

**A.** Chủ động vận hành được quanh năm

**B.** Giá thành sản xuất rẻ

**C.** Giá thành xây dựng nhà máy thấp hơn

**D.** Có khả năng xây dựng tại bất cứ địa điểm nào

**Câu 87:**  Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp trẻ tuổi nhất của nước ta là :

**A.** Điểm công nghiệp. **B.** Khu công nghiệp.

**C.** Trung tâm công nghiệp. **D.** Vùng công nghiệp.

**Câu 88:**  Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than không phấn bố ở các tỉnh phía Nam chủ yếu do

**A.** Miền Nam không thiếu điện **B.** Gây ô nhiễm môi trường

**C.** Vị trí xa vùng nhiên liệu **D.** Việc xây dựng đòi hỏi vốn lớn

**Câu 89:**  Căn cứ vào giá trị sản xuất, Hà Nội được xếp là:

**A.** Trung tâm công nghiệp rất lớn **B.** Trung tâm công nghiệp lớn

**C.** Trung tâm công nghiệp trung bình **D.** Trung tâm công nghiệp nhỏ

**Câu 90:**  Loại khoáng sản thuận lợi trong khai thác và sử dụng phổ biến nhất ở nước ta là :

**A.** Than đá. **B.** Vật liệu xây dựng.

**C.** Quặng sắt và crôm **D.** Quặng thiếc và titan ở ven biển.

**Câu 91:**  Thế mạnh hàng đầu để phát triển công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta hiện nay là :

**A.** Có thị trường xuất khẩu rộng mở.

**B.** Có nguồn lao động dồi dào, lương thấp.

**C.** Có nguồn nguyên liệu tại chỗ đa dạng phong phú.

**D.** Có nhiều cơ sở, phân bố rộng khắp trên cả nước.

**Câu 92:**  Đây là cơ sở để phân chia ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm thành 3 phân ngành.

**A.** Công dụng của sản phẩm. **B.** Đặc điểm sản xuất.

**C.** Nguồn nguyên liệu. **D.** Phân bố sản xuất.

**Câu 93:**  Một trong những đặc điểm của khu công nghiệp nước ta là

**A.** Gắn liền với đô thị vừa và lớn **B.** Bao gồm nhiều tỉnh và thành phố

**C.** Không có dân cư sinh sống **D.** Có nhiều ngành chuyên môn hóa

**Câu 94:**  Đây là đặc điểm của ngành chế biến sản phẩm chăn nuôi.

**A.** Gắn liền với các vùng chăn nuôi bò sữa và bò thịt.

**B.** Chưa phát triển mạnh vì thị trường tiêu thụ bị hạn chế.

**C.** Gắn liền với các thành phố lớn vì có nhu cầu thị trường.

**D.** Chưa phát triển mạnh vì ngành chăn nuôi để lấy thịt và sữa còn yếu.

**Câu 95:**  Công nghiệp rượu, bia, nước ngọt của nước ta thường phân bố chủ yếu ở

**A.** Các đô thị lớn **B.** Các tỉnh miền núi **C.** Vùng ven biển **D.** Vùng nông thôn

**Câu 96:**  Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm vì

**A.** có thị trường tiêu thụ rộng lớn. **B.** tác động xấu tới môi trường.

**C.** đầu tư cho công nghệ sản xuất cao. **D.** sử dụng nhiều lao động trình độ cao.

**Câu 97:**  Ngành nào dưới đây không phải là phân ngành của ngành chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta?

**A.** Chế biến sản phẩm trồng trọt **B.** Chế biến sản phẩm chăn nuôi

**C.** Chế biến lâm sản **D.** Chế biến thủy, hải sản

**Câu 98:**  Các địa điểm dưới đây, nơi nào là một điểm công nghiệp ?

**A.** Quy Nhơn. **B.** Tĩnh Túc. **C.** Bắc Giang. **D.** Hạ Long.

**Câu 99:**  Thành phố Hồ Chí Minh có ngành xay xát phát triển nhờ :

**A.** Có cơ sở hạ tầng phát triển. **B.** Gần vùng nguyên liệu.

**C.** Có thị trường lớn, phục vụ xuất khẩu. **D.** Có truyền thống lâu đời.

**Câu 100:**  Hiện nay nước ta được phân thành mấy vùng công nghiệp?

**A.** 3 **B.** 6 **C.** 7 **D.** 8

**Câu 101:**  Căn cứ vào bản đồ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng ở Atlat địa lí Việt Nam trang 22, trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành này năm 2007 thì dệt may

**A.** 54,8% **B.** 55,8% **C.** 56,8% **D.** 57,8%

**Câu 102:**  công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm trở thành ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta vì

**A.** Đòi hỉ ít lao động

**B.** Có giá trị sản xuất lớn

**C.** Có công nghệ sản xuất hiện đại

**D.** Có lợi thế lâu dài ( nguyên liệu, lao động, thị trường)

**Câu 103:**  Khoáng sản kim loại đen ở nước ta bao gồm :

**A.** Quặng titan, crôm, sắt, mangan. **B.** Quặng sắt, bôxít, niken, mangan.

**C.** Quặng crôm, titan, apatit, bôxit. **D.** Quặng bôxit, mangan, titan,

**Câu 104:**  Vùng trồng và chế biến thuốc lá hàng đầu của nước ta hiện nay là :

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** Nam Trung Bộ. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 105:**  Khoáng sản phi kim loại của nước ta bao gồm :

**A.** Quặng photphorit, apatit, pyrit, sét xi măng, cao lanh, cát thủy tinh, đá quý.

**B.** Quặng pyrit, sét xi măng, photphorit, bôxit, apatit, than đá, mangan.

**C.** Quặng apatit, pyrit, đá vôi, sét xi măng, cao lanh, bôxit, cát thủy tinh.

**D.** Quặng pyrit, sét xi măng, cao lanh, bôxit, cát thủy tinh, titan.

**Câu 106:**  Dựa vào bản đồ công nghiệp năng lượng (Atlat trang 22), sản lượng điện của nước ta trong giai đoạn 2000 – 2007 tăng

**A.** 2,4 lần. **B.** 3,4 lần. **C.** 4,4 lần. **D.** 5,4 lần.

**Câu 107:**  So với một số nước trong khu vực và trên thế giới, tài nguyên khoáng sản nước ta :

**A.** Phong phú về thể loại, phức tạp về cấu trúc và khả năng sử dụng, hạn chế về tiềm năng.

**B.** Phong phú về thể loại, đa dạng về loại hình, rất khó khăn trong khai thác.

**C.** Phong phú về thể loại, nhưng hạn chế về trữ lượng, khó khăn quản lí.

**D.** Phong phú về thể loại, có nhiều mỏ có trữ lượng và chất lượng tốt.

**Câu 108:**  Việt Trì là một trung tâm công nghiệp :

**A.** Có quy mô lớn, có ý nghĩa quốc gia.

**B.** Có quy mô rất nhỏ, chỉ có ý nghĩa địa phương.

**C.** Có quy mô trung bình có ý nghĩa vùng.

**D.** Không phải là một trung tâm công nghiệp, chỉ là một điểm công nghiệp.

**Câu 109:**  Ý nào dưới đây không đúng khi nói về đặc điểm của ngành công nghiệp khai thác dầu khí ở nước ta?

**A.** Có giá trị đống góp hàng năm lướn **B.** Là ngành có truyền thống lâu đời

**C.** Có sự hợp tác chặt chẽ với nước ngoài **D.** Có cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại

**Câu 110:**  Vùng than lớn nhất ở trung du miền núi Bắc Bộ phổ biến ở tỉnh

**A.** Lạng Sơn. **B.** Lào Cai. **C.** Thái Nguyên. **D.** Quảng Ninh.

**Câu 111:**  Cho bảng số liệu

Một số sản phẩm của ngành công nghiệp năng lượng ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2014

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sản phẩm | 2000 | 2005 | 2010 | 2014 |
| Than sạch (nghìn tấn) | 11 609 | 34 093 | 44 835 | 41 086 |
| Dầu thô khai thác (nghìn tấn) | 16 291 | 18 519 | 15 014 | 17 392 |
| Khí tự nhiên dạng khí (triệu m3) | 1 596 | 6 440 | 9 402 | 10 210 |
| Điện (triệu kwh) | 26 683 | 52 078 | 91 722 | 141 250 |

Dựa vào bảng số liệu trên, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về tình hình phát triển một số sản phẩm của ngành công nghiệp năng lượng ở nước ta giai đoạn 2000 – 2014?

**A.** Sản lượng các sản phẩm công nghiệp đều có xu hướng tăng.

**B.** Sản lượng điện tăng trưởng nhanh nhất.

**C.** Sản lượng than sạch tăng liên tục trong giai đoạn 2000  - 2010.

**D.** Sản lượng dầu thô và khí tự nhiên tăng không ổn định.

**Câu 112:**  Đặc điểm phân bố của ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta là

**A.** Phân bố chủ yếu ở thành thị **B.** Chỉ phân bố ở vùng đồng bằng

**C.** Phân bố rộng rãi **D.** Cách xa vùng đông dân

**Câu 113:**  Sản lượng điện chiếm tỉ trọng cao nhất trong ngành công nghiệp điện lực ở nước ta thuộc về

**A.** nhiệt điện, điện gió. **B.** nhiệt điện, thủy điện.

**C.** thủy điện, điện gió **D.** thủy điện, điện nguyên tử.

**Câu 114:**  Việc phân chia các trung tâm công nghiệp ở nước ta thành trung tâm có ý nghĩa quốc gia, trung tâm có ý nghĩa vùng, trung tâm có ý nghĩa địa phương là dựa vào

**A.** Vị trí địa lí của trung tâm công nghiệp **B.** Diện tích của trung tâm công nghiệp

**C.** Giá trị sản xuất của trung tâm công nghiệp **D.** Vai trò của trung tâm công nghiệp

**Câu 115:**  Ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản thường được phân bố ở nơi

**A.** vị trí nằm trong các trung tâm công nghiệp lớn.

**B.** nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

**C.** mạng lưới giao thông vận tải phát triển.

**D.** cơ sở vật chất – kĩ thuật tốt nhất.

**Câu 116:**  Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than không phát triển ở phía Nam chủ yếu là do

**A.** xa các nguồn nhiên liệu than. **B.** xây dựng đòi hỏi vốn lớn hơn.

**C.** ít nhu cầu về điện hơn phía Bắc. **D.** gây ô nhiễm môi trường.

**Câu 117:**  Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta gồm các phân ngành là

**A.** Chế biến chè, cà phê, thuốc lá, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa, chế biến thủy hai sản

**B.** Chế biến sản phẩm trồng trọt, chế biến sản phẩm chăn nuôi, chế biến thủy, hải sản

**C.** Chế biến sản phẩm trồng trọt, chế biến sản phẩm chăn nuôi, chế biến lâm sản

**D.** Rượu, bia, nước ngọt, chế biến thủy, hải sản, chế biến sản phẩm chăn nuôi

**Câu 118:**  Dựa vào bản đồ công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm (Atlat trang 22), tỉ trọng giá trị sản xuất của ngành này so với toàn ngành công nghiệp trong giai đoạn 2000 – 2007 ở nước ta giảm

**A.** 1,2 % **B.** 2,2% **C.** 3,2% **D.** 4,2%

**Câu 119:**  Căn cứ vào bản đồ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng ở Atlat địa lí Việt Nam trang 22, trong giai đoạn 2000- 2007 tỉ trọng sản xuất ngành này so với toàn ngành công nghiệp tăng thêm:

**A.** 1,1% **B.** 2,1% **C.** 3,1% **D.** 4,1%

**Câu 120:**  Đây là 2 nhà máy thuỷ điện đang được xây dựng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**A.** Hoà Bình, Tuyên Quang. **B.** Thác Bà, Sơn La.

**C.** Đại Thị, Sơn La. **D.** Bản Vẽ, Na Hang.

**Câu 121:**  Đây là ngành công nghiệp được phân bố rộng rãi nhất ở nước ta.

**A.** Chế biến sản phẩm chăn nuôi. **B.** Chế biến chè, thuốc lá.

**C.** Chế biến hải sản. **D.** Xay xát.

**Câu 122:**  Đây là các khu công nghiệp tập trung của nước ta xếp theo thứ tự từ Bắc vào Nam :

**A.** Đồ Sơn, Nhơn Hội, Hoà Khánh, Chân Mây, Tân Thuận.

**B.** Tân Thuận, Nhơn Hội, Hoà Khánh, Chân Mây, Đồ Sơn.

**C.** Đồ Sơn, Nhơn Hội, Hoà Khánh, Chân Mây, Tân Thuận.

**D.** Đồ Sơn, Chân Mây, Hoà Khánh, Nhơn Hội, Tân Thuận.

----------------------------------------------

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | B | 21 | C | 41 | B | 61 | C | 81 | C | 102 | D |
| 2 | B | 22 | D | 42 | B | 62 | D | 82 | C | 103 | A |
| 3 | C | 23 | C | 43 | B | 63 | C | 83 | A | 104 | D |
| 4 | D | 24 | B | 44 | D | 64 | A | 84 | C | 105 | A |
| 5 | C | 25 | A | 45 | C | 65 | A | 85 | B | 106 | A |
| 6 | B | 26 | D | 46 | D | 66 | C | 86 | B | 107 | A |
| 7 | B | 27 | A | 47 | B | 67 | C | 87 | B | 108 | C |
| 8 | C | 28 | A | 48 | A | 68 | A | 88 | C | 109 | B |
| 9 | B | 29 | D | 49 | A | 69 | D | 89 | B | 110 | A |
| 10 | B | 30 | C | 50 | C | 70 | B | 90 | A | 111 | B |
| 11 | C | 31 | C | 51 | A | 71 | A | 91 | C | 112 | C |
| 12 | D | 32 | B | 52 | B | 72 | D | 92 | C | 113 | B |
| 13 | A | 33 | A | 53 | A | 73 | D | 93 | C | 114 | D |
| 14 | B | 34 | B | 54 | A | 74 | D | 94 | D | 115 | B |
| 15 | B | 35 | B | 55 | C | 75 | B | 95 | A | 116 | A |
| 16 | C | 36 | D | 56 | A | 76 | B | 96 | A | 117 | B |
| 17 | A | 37 | B | 57 | C | 77 | A | 97 | C | 118 | A |
| 18 | D | 38 | A | 58 | A | 78 | B | 98 | B | 119 | A |
| 19 | B | 39 | D | 59 | D | 79 | A | 99 | C | 120 | C |
| 20 | C | 40 | B | 60 | B | 80 | A | 100 | B | 121 | D |
|  |  |  |  |  |  |  |  | 101 | A | 122 | D |